TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 780/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 13/7/2017
V/v : "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý.

2. Ông Vũ Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H trú tại Đường N, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Minh D trú tại Đường N, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh H (sau đây gọi là nguyên đơn) và ông Bùi Minh D (sau đây gọi là bị đơn) tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 2/99 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bị đơn có người phụ nữ khác, từ đó thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, nguyên đơn đã nhiều lần khuyên can nhưng bị đơn vẫn không thay đổi, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã ly thân được 05 năm. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn không có nên yêu cầu được ly hôn bị đơn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/02/2000 và Bùi Minh H1, sinh ngày 01/4/2012. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2017, bị đơn - ông Bùi Minh D trình bày:

Bị đơn nhất trí nội dung trình bày của nguyên đơn về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn gia đình, bị đơn cho rằng chung sống được 11 năm thì hai bên không còn tình cảm vợ chồng, dẫn đến đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông bà đã ly thân được 05 năm. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do bận công việc không có thời gian đến Tòa, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Thanh H (sau đây gọi là nguyên đơn) có đơn xin ly hôn ông Bùi Minh D (sau đây gọi là bị đơn), đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS năm 2015) thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Ngày 19/6/2017, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa: Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015) Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 2/99 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/1999 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn chung sống trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là phù hợp theo quy định của pháp luật. Sau thời gian 11 năm chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không còn quan tâm chăm sóc gia đình dù nguyên đơn nhiều lần khuyên can; Bị đơn thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn; Hai bên đã ly thân 05 năm. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là LHNVGĐ năm 2014) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày có 02 con chung Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/02/2000 và Bùi Minh H1, sinh ngày 01/4/2012. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung; Bị đơn cũng đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 LHNVGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn. Bị đơn có quyền thăm nom con.

- *Về tài sản chung:* Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung:* Hai bên khai không có.

Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Bùi Minh D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 23/02/2000 và Bùi Minh H1, sinh ngày 01/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Bùi Minh D tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Bùi Minh D khai không có.

5. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0006160 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường A, quận T, TP. HCM
  (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 112, quyển số 2/99 do UBND Phường A, quận T, TP. HCM cấp ngày 23/9/1999);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hoàng Mai